

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT QUANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT QUANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET QUANG INVESTMENT TRADE SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET QUANG INVEST TRASE CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109215194

3. Ngày thành lập: 09/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

LK 5, Lô 16, KĐT Mới Văn Khê , Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;	7410
2.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (loại trừ kim loại quý và vàng miếng)	4662
3.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
4.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
5.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
7.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
8.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
9.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
11.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

12.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
14.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
15.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
16.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
17.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh	4669
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình ; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy ; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;	7110
20.	In ấn (loại trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
21.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
22.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
23.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
24.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
25.	Bán mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
26.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
27.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
29.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
30.	Xây dựng nhà để ở	4101
31.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
32.	Xây dựng nhà không để ở	4102
33.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
34.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
35.	Xây dựng công trình điện	4221

36.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
37.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Bán buôn thực phẩm	4632
41.	Xây dựng công trình thủy	4291
42.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
43.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
45.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
49.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy	5225
54.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
55.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
56.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
57.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
58.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, véc ni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663(Chính)

60.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
61.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649
62.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
63.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
65.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
66.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
67.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
68.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
69.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
70.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
71.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
72.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
73.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
74.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
75.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
76.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
77.	Khai thác và thu gom than non	0520
78.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
79.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
80.	Phá dỡ	4311
81.	Khai thác quặng sắt	0710
82.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
83.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

84.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020
85.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI QUANG TUYỀN Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *16/03/1972* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *151734468*
 Ngày cấp: *20/05/2014* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 13, Xã Vũ Phúc, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *LK 5, Lô 16, KĐT Mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội